

Số: **15** /NQ-HĐND

P. Phan Đình Phùng, ngày **04** tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân
phường Phan Đình Phùng khoá X, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG PHAN ĐÌNH PHÙNG
KHOÁ X, NHIỆM KỲ 2021 - 2026, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Tiếp công dân ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 72/2025/NQLT/UBTVQH15-CP-ĐCTUBTWMTPQVN ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành quy định chi tiết việc tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 759/2014/NQ-UBTVQH13 ngày 15/5/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết về hoạt động tiếp công dân của các cơ quan của Quốc hội, đại biểu quốc hội, Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15 ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về hướng dẫn hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân;

Xét Tờ trình số 12/TTr-HĐND ngày 28/7/2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân phường Phan Đình Phùng về việc đề nghị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân phường Phan Đình Phùng khoá X, nhiệm kỳ 2021 - 2026; Báo cáo thẩm tra của hai ban Hội đồng nhân dân phường và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân phường Phan Đình Phùng khoá X, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân phường, hai ban của Hội đồng nhân dân phường, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường, các vị đại biểu Hội đồng nhân dân phường Phan Đình Phùng và các tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 04 tháng 8 năm 2025.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân phường Phan Đình Phùng khoá X, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 04 tháng 8 năm 2025./ Biên

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo UBND tỉnh (báo cáo);
- Thường trực Đảng ủy phường (báo cáo);
- Thường trực HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Hai Ban HĐND phường;
- Ủy ban MTTQ phường;
- Các tổ chức chính trị - xã hội;
- Đại biểu HĐND phường;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND phường;
- Các Tổ dân phố trên địa bàn phường;
- Lưu: VT, VP. 

CHỦ TỊCH



Phạm Thị Lý

QUY CHẾ

Hoạt động của Hội đồng nhân dân phường Phan Đình Phùng

khoá X, nhiệm kỳ 2021 - 2026

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 15 /HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2025
của Hội đồng nhân dân phường Phan Đình Phùng)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về hoạt động của Hội đồng nhân dân (viết tắt là HĐND), phường Phan Đình Phùng khoá X, nhiệm kỳ 2021 - 2026; trách nhiệm, quyền hạn, phương thức hoạt động, các mối quan hệ công tác, điều kiện bảo đảm hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND, hai Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND phường Phan Đình Phùng khoá X, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. HĐND phường, Thường trực HĐND phường, hai Ban của HĐND phường, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND phường khoá X, nhiệm kỳ 2021 - 2026; các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan khi tham gia các hoạt động của HĐND phường có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện Quy chế này.

2. Các nội dung không quy định trong Quy chế này được thực hiện theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015;

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của HĐND phường

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ.
2. Hiện đại, minh bạch, phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân.
3. Làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức - nhiệm vụ và quyền hạn của HĐND phường

1. HĐND phường Phan Đình Phùng khoá X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 gồm 138 đại biểu (bao gồm 09 đại biểu thành phố và 129 đại biểu HĐND các phường: Phan Đình Phùng, Túc Duyên, Trưng Vương, Hoàng Văn Thụ, Đồng Quang, Quang Trung, Tân Thịnh trước khi sắp xếp) có cơ cấu tổ chức như sau: Thường trực HĐND (gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, Trưởng hai Ban HĐND), các ban của HĐND phường (Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội), Tổ đại biểu HĐND và các đại biểu HĐND phường.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND, Thường trực HĐND, ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND phường thực hiện theo các quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

3. Văn phòng HĐND và UBND phường là cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của HĐND và UBND phường.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục 1

THƯỜNG TRỰC HĐND PHƯỜNG

Điều 5. Cơ cấu tổ chức của Thường trực HĐND phường

1. Thường trực HĐND phường là cơ quan thường trực của HĐND phường thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực HĐND phường được Thường trực HĐND tỉnh chỉ định, gồm có: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, hai Ủy viên là Trưởng hai Ban của HĐND phường.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động của Thường trực HĐND phường

1. Thường trực HĐND phường hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thảo luận tập thể và quyết định theo đa số, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước HĐND phường.

2. Các thành viên Thường trực HĐND phường chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND phường trước HĐND phường; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực HĐND phường về nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực HĐND phường phân công.

3. Thường trực HĐND phường họp thường kỳ mỗi tháng một lần để thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Khi xét thấy cần thiết Thường trực HĐND có thể họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch HĐND phường.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực HĐND phường

1. Triệu tập và chủ tọa các kỳ họp của HĐND; phối hợp với Ủy ban nhân dân (UBND) trong việc chuẩn bị kỳ họp của HĐND phường.

2. Thảo luận và quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ được HĐND phường giao.

3. Đôn đốc, giám sát UBND phường và các cơ quan khác ở địa phương thực hiện các nghị quyết của HĐND phường.

4. Giám sát việc thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương.

5. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của các ban HĐND phường; xem xét kết quả giám sát của các ban HĐND khi xét thấy cần thiết và báo cáo HĐND phường tại kỳ họp gần nhất; giữ mối liên hệ với đại biểu HĐND; tổng hợp chất vấn của đại biểu HĐND để báo cáo HĐND phường; yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân giải trình các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND tại phiên họp Thường trực HĐND phường.

6. Tổ chức đề đại biểu HĐND phường tiếp công dân theo quy định của pháp luật; đôn đốc, giám sát và xem xét tình hình giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo

của công dân; tổng hợp ý kiến, nguyện vọng của Nhân dân để báo cáo tại kỳ họp HĐND phường.

7. Chỉ định Phó Trưởng ban hoạt động chuyên trách và Ủy viên là đại biểu HĐND hoạt động kiêm nhiệm của các Ban HĐND phường.

8. Thành lập Tổ đại biểu và chỉ định Tổ trưởng, Tổ phó, Thư ký Tổ đại biểu HĐND phường Phan Đình Phùng khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

9. Giữ mối liên hệ với đại biểu HĐND phường; tổng hợp chất vấn của đại biểu HĐND phường để báo cáo HĐND phường hoặc tổ chức phiên chất vấn giữa hai kỳ họp.

10. Phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQ phường tổ chức để đại biểu HĐND phường tiếp xúc cử tri, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri để báo cáo tại các Kỳ họp HĐND.

11. Báo cáo về hoạt động của HĐND phường đến HĐND và UBND tỉnh.

12. Thường trực Hội đồng nhân dân phường giữ mối liên hệ thường xuyên và ký kết Quy chế phối hợp, Chương trình phối hợp công tác hằng năm với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường; định kỳ hai lần mỗi năm thông báo cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường về tình hình hoạt động của Hội đồng nhân dân phường.

13. Trong thời gian giữa hai kỳ họp, Thường trực HĐND phường phối hợp với UBND phường giải quyết những vấn đề phát sinh theo quy định của Luật, các văn bản pháp luật có liên quan và báo cáo HĐND phường tại kỳ họp gần nhất

14. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa để phục vụ hoạt động của HĐND phường; bảo đảm sự liên thông về dữ liệu giữa HĐND các cấp và các cơ quan có liên quan.

15. Trình HĐND phường ban hành nghị quyết hoặc kết luận về việc thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát; khi xét thấy cần thiết, có thể trình HĐND phường ban hành Nghị quyết về kết quả giám sát hoặc về chất vấn.

16. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Thường trực HĐND phường

1. Chủ tịch HĐND phường có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

Lãnh đạo hoạt động của Thường trực HĐND phường, thay mặt Thường trực HĐND phường giữ mối liên hệ với UBND phường, các cơ quan nhà nước, Ban Thường trực Ủy Ban MTTQ phường, các tổ chức thành viên của Mặt trận phường, các tổ chức xã hội khác và công dân.

2. Phó Chủ tịch HĐND phường giúp Chủ tịch HĐND thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Chủ tịch HĐND phường. Tham gia các phiên họp Thường trực HĐND phường thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND phường.

3. Ủy viên của Thường trực HĐND phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Thường trực HĐND phường; tham gia các phiên họp Thường trực HĐND phường, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND phường.

Điều 9. Phiên họp của Thường trực HĐND phường

1. Phiên họp Thường trực HĐND phường là hình thức hoạt động chủ yếu của Thường trực HĐND. Tại phiên họp, Thường trực HĐND thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực HĐND phường họp thường kỳ mỗi tháng một lần, khi cần thiết có thể họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch HĐND phường. Chủ tịch HĐND phường quyết định thời gian, chương trình, chỉ đạo việc chuẩn bị và chủ tọa phiên họp Thường trực HĐND phường; nếu Chủ tịch HĐND vắng mặt thì Phó Chủ tịch HĐND phường được Chủ tịch HĐND phường ủy quyền chủ tọa phiên họp.

3. Phiên họp Thường trực HĐND phường phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Thường trực HĐND phường tham dự. Thành viên Thường trực HĐND phường có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp, nếu vì lý do đặc biệt không thể tham gia thì phải báo cáo Chủ tịch HĐND phường xem xét, quyết định.

4. Đại diện UBND phường, UBMTTQ phường và các cơ quan có liên quan có thể được mời dự phiên họp của Thường trực HĐND phường.

5. UBND phường, hai Ban của HĐND phường, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND phường và các cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm chủ động chuẩn bị các dự án, đề án, báo cáo thuộc nội dung chương trình phiên họp theo sự phân công của Thường trực HĐND phường hoặc theo nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Điều 10. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của các ban của HĐND phường, Thường trực HĐND phường có trách nhiệm:

1. Phân công hai Ban của HĐND phường thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình HĐND phường.

2. Phân công hai Ban của HĐND phường tham gia hoạt động đơn đốc, kiểm tra và giám sát UBND phường, các cơ quan nhà nước khác ở địa phương thực hiện các nghị quyết của HĐND phường.

3. Phân công hai Ban của HĐND phường thực hiện một số nội dung thuộc chương trình giám sát, khảo sát của HĐND phường và Thường trực HĐND phường.

4. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp chương trình hoạt động của hai Ban HĐND phường.

5. Tham dự cuộc họp của hai Ban HĐND phường.

Mục 2

HAI BAN CỦA HĐND PHƯỜNG

Điều 11. Số lượng thành viên, cơ cấu thành phần

1. HĐND phường thành lập 02 ban gồm: Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội.

2. Ban của HĐND phường là cơ quan của HĐND phường, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

3. Mỗi ban của HĐND phường gồm có: Trưởng ban có thể là đại biểu HĐND hoạt động kiêm nhiệm, Phó Trưởng ban là đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách và 03 Ủy viên là đại biểu HĐND hoạt động kiêm nhiệm.

Điều 12. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Ban của HĐND phường hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thảo luận tập thể và quyết định theo đa số; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước HĐND phường. Trong thời gian HĐND phường không họp thì báo cáo công tác trước Thường trực HĐND phường.

2. Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của Ban chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban trước Thường trực HĐND phường và HĐND phường; chịu trách nhiệm cá nhân trước ban của HĐND phường về nhiệm vụ, quyền hạn được ban phân công.

Điều 13. Chế độ làm việc

1. Căn cứ Quy chế hoạt động của HĐND phường, hai Ban phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên phù hợp với quy định của pháp luật và các lĩnh vực phụ trách của hai Ban.

2. Hằng năm, căn cứ **Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ**, chương trình giám sát của HĐND, Thường trực HĐND phường, các ban của HĐND phường xây dựng **kế hoạch công tác và chương trình giám sát** của mình.

3. Hai Ban của HĐND phường họp ít nhất mỗi quý một lần để đánh giá việc thực hiện chương trình công tác của Ban và xây dựng kế hoạch công tác quý tiếp theo; họp để thẩm tra các nội dung theo phân công của Thường trực HĐND và họp đột xuất khi cần thiết. Các thành viên của Ban có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban, trong trường hợp không thể tham dự được thì phải báo cáo với Trưởng ban.

Điều 14. Lĩnh vực phụ trách của hai Ban HĐND phường

1. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND phường: chịu trách nhiệm trong các lĩnh vực kinh tế, ngân sách, đô thị, giao thông, xây dựng, tài nguyên và môi trường ở địa phương theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và các văn bản hướng dẫn khác.

2. Ban Văn hóa - Xã hội HĐND phường: chịu trách nhiệm trong các lĩnh vực: thi hành Hiến pháp và pháp luật; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; công tác quốc phòng, quân sự địa phương; thực hiện dân chủ ở cơ sở; công tác cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của phường; công tác thi đua, khen thưởng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân; lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, thông tin, truyền

thông, thể dục, thể thao; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính; công tác dân tộc, tôn giáo ở địa phương; xây dựng chính quyền địa phương và quản lý địa giới hành chính trên địa bàn phường theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của hai Ban HĐND phường

1. Tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp HĐND liên quan đến lĩnh vực phụ trách và phân công của Thường trực HĐND phường.
2. Thẩm tra báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết liên quan đến lĩnh vực phụ trách của Ban do HĐND phường, Thường trực HĐND phường phân công.
3. Giúp Hội đồng nhân dân thực hiện giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân phường và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân trong phạm vi lĩnh vực Ban phụ trách; giám sát việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định pháp luật có liên quan đến lĩnh vực thuộc trách nhiệm phụ trách của Ban.
4. Tổ chức khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực phụ trách do HĐND hoặc Thường trực HĐND phân công.
5. Báo cáo kết quả giám sát và kết quả công tác khác với HĐND, Thường trực HĐND phường; kiến nghị với HĐND, Thường trực HĐND những vấn đề thuộc lĩnh vực phụ trách của Ban.
6. Cử thành viên của Ban tham gia các đoàn công tác, giám sát, khảo sát theo sự phân công, chỉ đạo của Thường trực Hội đồng nhân dân. Hằng năm, căn cứ vào tình hình thực tiễn, Ban có thể tổ chức cho các thành viên đi học tập, trao đổi kinh nghiệm hoạt động.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Ban của HĐND phường

1. Trưởng ban điều hành việc thực hiện chương trình công tác của Ban, chuẩn bị, triệu tập và chủ tọa các phiên họp của Ban; thực hiện các nhiệm vụ do Thường trực HĐND phường phân công.
2. Phó Trưởng ban giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ và được phân công phụ trách một số công việc của Ban; thực hiện nhiệm vụ do Trưởng ban và Thường trực HĐND phân công; khi Trưởng ban vắng mặt, Phó Trưởng ban được Trưởng ban Ủy quyền điều hành công việc của Ban; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của Ban.
3. Các thành viên của Ban có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hoạt động của Ban; thực hiện nhiệm vụ được ban phân công; hằng tháng, thành viên hai Ban hoạt động kiêm nhiệm phải dành thời gian làm việc để tham gia các hoạt động của Ban.
4. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Quan hệ phối hợp công tác của hai Ban HĐND phường

1. Hai Ban của HĐND phường phối hợp công tác và trao đổi kinh nghiệm hoạt động về những vấn đề có liên quan.

2. UBND phường, cơ quan chuyên môn thuộc UBND phường, các cơ quan tổ chức hữu quan ở địa phương có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu về những vấn đề mà Ban của HĐND phường yêu cầu; phối hợp và mời hai Ban của HĐND tham gia nghiên cứu, đóng góp ý kiến trong quá trình chuẩn bị nội dung liên quan để trình HĐND phường xem xét, ban hành Nghị quyết khi thấy cần thiết.

3. Hai Ban HĐND phường phối hợp công tác theo các Quy chế phối hợp do Thường trực HĐND phường ký với các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Mục 3 TỔ ĐẠI BIỂU HĐND PHƯỜNG

Điều 18. Tổ đại biểu HĐND phường

1. Cơ cấu tổ chức: Số lượng Tổ đại biểu HĐND, Tổ trưởng, Tổ phó và Thư ký của các Tổ đại biểu HĐND phường do Thường trực HĐND phường quyết định.

2. Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND phường có trách nhiệm điều hành công việc của Tổ đại biểu HĐND phường; chủ trì phiên họp của Tổ đại biểu HĐND phường; giữ mối liên hệ thường xuyên với Thường trực HĐND, Ủy ban MTTQ, Văn phòng HĐND và UBND phường và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn để tổ chức và bảo đảm các hoạt động của Tổ đại biểu HĐND phường; báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri và kết quả công tác với Thường trực HĐND phường.

3. Tổ phó Tổ đại biểu HĐND phường giúp việc cho Tổ trưởng, thực hiện những việc được phân công và được Ủy quyền khi Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND vắng mặt. Tổng hợp xây dựng dự thảo các văn bản của Tổ.

4. Thư ký Tổ đại biểu HĐND phường có trách nhiệm giúp Tổ trưởng và Tổ phó Tổ đại biểu HĐND phường trong việc ghi chép biên bản các cuộc họp của Tổ; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri tại các buổi tiếp xúc cử tri; thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND phường.

Mục 4 ĐẠI BIỂU HĐND PHƯỜNG

Điều 19. Trách nhiệm của đại biểu HĐND phường

1. Tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp của HĐND phường; đối với trường hợp không tham dự thì phải có lý do, phải báo cáo trước và được sự đồng ý của Chủ tịch HĐND phường. Trường hợp đại biểu HĐND phường không tham dự các kỳ họp liên tục trong 01 năm mà không có lý do chính đáng, thì Thường trực HĐND phường phải báo cáo HĐND phường để bãi nhiệm đại biểu HĐND.

2. Trong kỳ họp HĐND phường, đại biểu HĐND phường có những nhiệm vụ sau đây:

- a) Nghiêm túc chấp hành các quy định của kỳ họp.
- b) Tham gia thảo luận và quyết định chương trình kỳ họp.
- c) Tham gia thảo luận tại phiên họp toàn thể, thảo luận ở Tổ thảo luận hoặc Tổ đại biểu HĐND về các vấn đề thuộc nội dung, chương trình kỳ họp.

d) Biểu quyết thông qua những vấn đề thuộc nội dung, chương trình kỳ họp theo sự điều hành của Chủ tọa kỳ họp. Đại biểu HĐND có thể biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không biểu quyết.

3. Tham gia hoạt động giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND phường khi được mời. Trong trường hợp đại biểu tự mình thực hiện giám sát ngoài Kỳ họp, phiên họp phải dự kiến xây dựng chương trình giám sát gửi Thường trực HĐND, Tổ đại biểu HĐND phường (qua Tổ trưởng Tổ đại biểu) trước ngày 01 tháng 12 hằng năm. Chịu trách nhiệm và báo cáo về hoạt động giám sát của mình.

4. Trách nhiệm tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND phường liên hệ chặt chẽ với cử tri ở đơn vị bầu ra mình, chịu sự giám sát của cử tri, có trách nhiệm thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri với HĐND phường và cơ quan nhà nước có liên quan trên địa bàn phường.

a) Đại biểu HĐND phường có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi tiếp xúc cử tri trước và sau Kỳ họp HĐND phường theo kế hoạch của Thường trực HĐND phường, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ phường và Tổ đại biểu HĐND phường. Trong trường hợp không thể tham gia tiếp xúc cử tri, thì đại biểu HĐND phường báo cáo với Tổ trưởng Tổ Đại biểu HĐND phường hoặc Ban Thường trực Ủy ban MTTQ phường.

b) Đại biểu HĐND phường chuyển những kiến nghị của cử tri đến Tổ đại biểu HĐND và Thường trực HĐND phường để tổng hợp báo cáo HĐND phường, gửi tới cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

5. Đại biểu HĐND phường hoạt động không chuyên trách phải dành ít nhất một phần ba (1/3) thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND.

6. Tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chỉ thị, quy định của cấp ủy, chính quyền các cấp. Tham dự đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ dành riêng cho đại biểu HĐND phường theo sự phân công của Thường trực HĐND phường.

7. Chủ động xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND phường nếu không còn công tác và không cư trú trên địa bàn phường.

8. Đại biểu HĐND phường khi thực hiện nhiệm vụ phải đeo phù hiệu đại biểu HĐND phường, trong một số trường hợp cần thiết phải xuất trình Giấy chứng nhận đại biểu HĐND.

Điều 20. Quyền của đại biểu HĐND phường

1. Chất vấn Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch UBND, Ủy viên UBND phường, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND phường. Người bị chất vấn phải trả lời về những vấn đề mà đại biểu HĐND chất vấn.

2. Giám sát quyết định của UBND phường; giám sát việc thi hành pháp luật tại địa phương; giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân ở địa phương. ***Khi xét thấy cần thiết, có thể gửi văn bản kiến nghị HĐND phường, Thường trực HĐND phường, các Ban của HĐND phường, Tổ đại biểu HĐND phường tổ chức giám sát các vụ việc nổi cộm, bức xúc trên địa bàn.***

3. Gửi kiến nghị bằng văn bản đến Thường trực HĐND phường trong đó nêu rõ lý do, nội dung kiến nghị để báo cáo HĐND phường xem xét, quyết định bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND phường bầu, kiến nghị tổ chức phiên họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất, phiên họp kín của HĐND phường và kiến nghị những vấn đề khác mà đại biểu HĐND thấy cần thiết.

4. Kiến nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân áp dụng biện pháp cần thiết để thực hiện Hiến pháp, pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước, quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Kiến nghị của đại biểu HĐND phường phải được gửi đến Thường trực HĐND, tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND phường.

5. Yêu cầu các cơ quan nhà nước, tổ chức liên quan thi hành những biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

6. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó khi đại biểu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu.

7. Được cấp giấy chứng nhận đại biểu HĐND phường; được hưởng quyền miễn trừ của đại biểu HĐND phường; được cấp hoạt động phí hằng tháng và được hỗ trợ các điều kiện cần thiết khác cho hoạt động đại biểu theo quy định.

8. Đề nghị thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND phường vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác mà không thể thực hiện được nhiệm vụ đại biểu.

9. Được đề nghị Thường trực HĐND phường xem xét chuyển sinh hoạt đến Tổ đại biểu HĐND phường nơi đại biểu đến nhận công tác theo phân công, điều động của cấp có thẩm quyền.

Mục 5

KỲ HỌP HĐND PHƯỜNG

Điều 21. Nguyên tắc tổ chức kỳ họp HĐND phường

1. HĐND phường họp mỗi năm ít nhất 02 kỳ. HĐND phường quyết định kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ vào kỳ họp thứ nhất của HĐND đối với năm bắt đầu nhiệm kỳ và vào kỳ họp cuối cùng của năm trước đó đối với các năm tiếp theo của nhiệm kỳ theo đề nghị của Thường trực HĐND.

2. HĐND phường họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi Thường trực HĐND, Chủ tịch UBND phường hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND phường yêu cầu.

3. Cử tri ở phường có quyền làm đơn yêu cầu HĐND phường họp, bàn và

quyết định những công việc của phường. Khi trong đơn yêu cầu có chữ ký của trên 10% tổng số cử tri của phường theo danh sách cử tri bầu cử đại biểu HĐND phường tại cuộc bầu cử gần nhất thì Thường trực HĐND phường có trách nhiệm tổ chức kỳ họp HĐND chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất để bàn về nội dung mà cử tri kiến nghị. Đơn yêu cầu của cử tri được xem là hợp lệ khi có kèm theo đầy đủ chữ ký, họ tên, ngày, tháng, năm sinh và địa chỉ của từng người ký tên. Những người ký tên trong đơn yêu cầu được cử một người làm đại diện tham dự kỳ họp HĐND phường bàn về nội dung mà cử tri kiến nghị.

4. HĐND phường họp công khai. Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Thường trực HĐND, Chủ tịch UBND phường hoặc yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND thì HĐND phường quyết định họp kín.

Điều 22. Chuẩn bị kỳ họp HĐND phường

1. Thường trực HĐND phường có trách nhiệm

Căn cứ vào các kế hoạch công tác của Thường trực Đảng Ủy, HĐND và Lãnh đạo UBND phường, Thường trực HĐND phường xây dựng Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ của HĐND phường năm sau trình Kỳ họp thường lệ cuối năm trước đó.

a) Trước thời gian triệu tập kỳ họp thường lệ của HĐND phường ít nhất 30 ngày, tổ chức cuộc họp với UBND, các Trưởng ban, Phó Trưởng ban của HĐND, Thường trực Ủy ban MTTQ phường để thống nhất nội dung, chương trình và những vấn đề khác có liên quan đến kỳ họp HĐND phường. Các đồng chí lãnh đạo Văn phòng HĐND và UBND phường dự cuộc họp này.

Văn phòng HĐND và UBND phường ra thông báo kết luận của Thường trực HĐND phường tại cuộc họp và nêu rõ dự kiến “*về thời gian, địa điểm, nội dung, chương trình của kỳ họp HĐND*”.

Sau khi đã có dự kiến về nội dung, chương trình của kỳ họp HĐND, Thường trực HĐND phường có trách nhiệm báo cáo, xin chủ trương và ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ và Thường trực Đảng Ủy để chủ động triển khai trong các bước tiếp theo.

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ phường tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri giữa hai kỳ họp báo cáo HĐND phường tại kỳ họp.

c) Tổng hợp ý kiến chất vấn của đại biểu HĐND phường chuyển đến và yêu cầu người có thẩm quyền trả lời chất vấn.

d) Theo dõi kết quả thực hiện các giải pháp nêu trong nội dung trả lời chất vấn tại kỳ họp trước, đôn đốc người trả lời chất vấn báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp tiếp theo.

đ) Phân công, kiểm tra, đôn đốc hai Ban của HĐND phường thẩm tra báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết trình kỳ họp.

e) Chỉ đạo các Tổ đại biểu, các đại biểu HĐND phường tiếp xúc cử tri trước kỳ họp.

f) Chỉ đạo Văn phòng HĐND và UBND phường trong công tác tham mưu, chuẩn bị các điều kiện phục vụ kỳ họp và đôn đốc các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan gửi tài liệu kỳ họp theo quy định.

2. Hai Ban của HĐND phường có trách nhiệm:

a) Đề xuất Thường trực HĐND phường các nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách trình kỳ họp.

b) Căn cứ thông báo phân công của Thường trực HĐND phường, chuẩn bị các văn bản, tài liệu thuộc lĩnh vực phụ trách phục vụ kỳ họp.

c) Tổ chức thẩm tra các báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết trình tại kỳ họp theo sự phân công của Thường trực HĐND. Chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND, Ban của HĐND gửi báo cáo thẩm tra đến Thường trực HĐND phường.

3. Các Tổ đại biểu HĐND phường có trách nhiệm:

a) Tổ chức họp để nghiên cứu tài liệu, thảo luận tổ chuẩn bị đóng góp ý kiến cho kỳ họp. Biên bản thảo luận tổ được gửi đến Thư ký phục vụ kỳ họp để tổng hợp.

b) Tổ chức cho các đại biểu HĐND phường tiếp xúc cử tri và báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri về Thường trực HĐND phường chậm nhất là 07 ngày sau ngày tiếp xúc cử tri.

4. Đại biểu HĐND phường có trách nhiệm:

a) Tiếp xúc cử tri để thu thập ý kiến, nguyện vọng của cử tri về những vấn đề thuộc nội dung, chương trình kỳ họp và ý kiến, kiến nghị của cử tri với HĐND phường và cơ quan nhà nước trên địa bàn phường.

b) Nghiên cứu và tham gia ý kiến vào dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp, đề xuất đưa vào chương trình kỳ họp các nội dung cấp bách, bức xúc tại địa phương.

c) Chủ động nghiên cứu tài liệu phục vụ kỳ họp, tích cực chuẩn bị các nội dung để tham gia thảo luận tại kỳ họp và gửi Thường trực HĐND phường các nội dung chất vấn để chuyển đến người được chất vấn.

Điều 23. Tổ chức, điều hành kỳ họp

Chủ tịch HĐND phường chủ tọa kỳ họp, bảo đảm thực hiện chương trình nội dung kỳ họp và những quy định về kỳ họp HĐND phường. Phó chủ tịch HĐND phường giúp Chủ tịch HĐND phường điều hành phiên họp và thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch HĐND phường.

Điều 24. Thư ký phục vụ kỳ họp

1. Văn phòng HĐND và UBND phường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thư ký phục vụ kỳ họp của HĐND phường.

2. Thư ký phục vụ kỳ họp của HĐND phường có nhiệm vụ:

a) Lập danh sách đại biểu HĐND phường có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp.

- b) Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp.
- c) Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến phát biểu của đại biểu tại cuộc họp Tổ đại biểu và phiên họp toàn thể.
- d) Tham mưu chủ tọa kỳ họp trong việc thực hiện các quy trình, thủ tục tại kỳ họp.
- đ) Thực hiện thông qua các văn bản của kỳ họp theo sự phân công của chủ tọa kỳ họp.

Điều 25. Các hoạt động tại kỳ họp

Thường trực HĐND, hai Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND thường thực hiện các nội dung sau:

1. Xem xét, thảo luận các báo cáo quy định tại Điều 59 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015 và các báo cáo khác theo quy định.
2. Xem xét, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền nhằm bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.
3. Thực hiện chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn theo quy định tại Điều 60 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015. Thời gian chất vấn và trả lời chất vấn đối với người được chất vấn do Chủ tọa phiên họp quyết định.
4. Lấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ các chức vụ quy định tại Điều 63, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.
5. Bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND bầu trong các trường hợp quy định tại Điều 64, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.
6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm người giữ chức vụ do HĐND phường bầu và cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND phường.
7. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Hoạt động sau kỳ họp

1. Thường trực HĐND phường chỉ đạo Văn phòng HĐND và UBND phường hoàn chỉnh các dự thảo Nghị quyết đã được HĐND phường thông qua, trình Chủ tịch HĐND phường hoặc Chủ tọa kỳ họp ký chứng thực trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày bế mạc kỳ họp; ban hành văn bản đôn đốc người trả lời chất vấn tại kỳ họp thực hiện các giải pháp, lời hứa nêu trong nội dung trả lời chất vấn.
2. Chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày bế mạc kỳ họp, nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản của kỳ họp HĐND phường phải được Thường trực HĐND phường gửi lên Thường trực HĐND tỉnh và UBND tỉnh theo quy định.
3. Nghị quyết của HĐND phường phải được gửi đến các cơ quan, tổ chức để thực hiện. Nghị quyết của HĐND phường được đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết và lưu trữ theo quy định của pháp luật.
4. Đánh giá, rút kinh nghiệm kỳ họp: Sau kỳ họp, Thường trực HĐND phường chủ trì, tổ chức họp với UBND, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ phường,

Trưởng ban, Phó Trưởng hai Ban của HĐND phường, tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND phường, lãnh đạo Văn phòng HĐND và UBND phường, lãnh đạo các cơ quan liên quan, Thư ký phục vụ kỳ họp và các cá nhân có liên quan để đánh giá rút kinh nghiệm công tác chuẩn bị và tổ chức kỳ họp; bàn biện pháp hướng dẫn, triển khai thực hiện nghị quyết HĐND phường.

Mục 6

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG, THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG, CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG, TỔ ĐẠI BIỂU VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Điều 27. Nguyên tắc hoạt động giám sát

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm đúng nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND; Quy chế hoạt động của HĐND phường Phan Đình Phùng Khóa X, nhiệm kỳ 2021- 2026.
2. Không làm cản trở đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.
3. Được tiến hành thường xuyên, bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, hiệu quả.
4. Kịp thời báo cáo kết quả giám sát theo kế hoạch công tác và chương trình giám sát; chú trọng công tác theo dõi, đôn đốc thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát.
5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 28. Thẩm quyền giám sát của HĐND phường

1. HĐND phường giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của HĐND phường; giám sát hoạt động của Thường trực HĐND phường, UBND phường và Ban của HĐND phường; giám sát quyết định của UBND phường.
2. Thường trực HĐND phường giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của HĐND phường; giám sát hoạt động của UBND phường, các cơ quan thuộc UBND phường; giám sát quyết định của UBND phường; giúp HĐND phường thực hiện quyền giám sát theo sự phân công của HĐND phường.
3. Ban của HĐND phường giúp HĐND phường giám sát hoạt động của UBND phường, các cơ quan thuộc UBND phường thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; giám sát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực Ban phụ trách.
4. Tổ đại biểu HĐND giám sát việc tuân theo Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên ở địa phương và nghị quyết HĐND phường hoặc vấn đề do HĐND, Thường trực HĐND phân công.

5. Đại biểu HĐND chất vấn Chủ tịch UBND, thành viên khác của UBND, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND phường; trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật; giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân ở địa bàn phường.

6. Khi xét thấy cần thiết, HĐND, Thường trực HĐND, Ban của HĐND tiến hành giám sát hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác ở phường.

Điều 29. Chương trình giám sát của HĐND phường

1. Chương trình giám sát hằng năm của HĐND phường được HĐND phường xem xét, quyết định vào kỳ họp giữa năm trước và được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Chậm nhất là ngày 01 tháng 3 của năm trước, hai Ban của HĐND phường, đại biểu HĐND phường, Ban Thường trực UBMTTQ phường và cử tri ở địa phương gửi đề nghị kiến nghị giám sát của HĐND phường đến Thường trực HĐND phường. Đề nghị, kiến nghị giám sát phải nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát.

b) Chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Văn phòng HĐND và UBND phường tổng hợp đề nghị, kiến nghị giám sát và báo cáo thường trực HĐND phường.

c) Chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm của HĐND phường, Thường trực HĐND phường thảo luận và lập Tờ trình dự kiến chương trình giám sát hằng năm của HĐND phường để trình HĐND phường xem xét, quyết định.

d) HĐND phường quyết định chương trình giám sát hằng năm theo trình tự sau đây:

- + Thường trực HĐND phường trình Tờ trình về dự kiến chương trình giám sát.
- + HĐND phường thảo luận.
- + HĐND phường biểu quyết thông qua nghị quyết về chương trình giám sát của HĐND phường.

2. Chương trình giám sát hàng năm của Thường trực HĐND phường được thực hiện theo trình tự sau:

a) Căn cứ vào chương trình giám sát của HĐND phường, ý kiến của các thành viên Thường trực HĐND phường, đề nghị của hai Ban HĐND phường, đại biểu HĐND phường, Ủy ban MTTQ phường và ý kiến, kiến nghị của cử tri địa phương, Thường trực HĐND phường quyết định chương trình giám sát hằng năm của mình.

Chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp cuối năm, các Ban của HĐND phường, Ủy ban MTTQ phường gửi đến Thường trực HĐND đề nghị giám sát đưa vào chương trình năm sau của Thường trực HĐND phường. Đề nghị cần nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng, giám sát.

b) Văn phòng HĐND và UBND phường tổng hợp đề nghị giám sát trình Thường trực HĐND phường xem xét, quyết định tại phiên họp của Thường trực HĐND phường.

c) Chậm nhất 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp cuối năm trước, Thường trực HĐND phường quyết định ban hành chương trình giám sát của năm sau.

d) Thường trực HĐND phường xem xét, quyết định chương trình giám sát hằng năm theo trình tự sau đây:

+ Văn phòng HĐND phường trình dự kiến chương trình giám sát của Thường trực HĐND phường.

+ Thường trực HĐND phường thảo luận.

+ Thường trực HĐND phường thông qua nghị quyết về chương trình giám sát.

3. Chương trình giám sát hằng năm của các Ban HĐND phường:

a) Căn cứ vào chương trình giám sát hằng năm của HĐND phường, Thường trực HĐND phường; phân công của HĐND phường, Thường trực HĐND phường và ý kiến của các thành viên, Ban của HĐND phường lập, xem xét, quyết định chương trình giám sát năm tiếp theo trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

b) Chương trình giám sát hằng năm của các Ban HĐND phường phải được báo cáo Thường trực HĐND phường trước khi ban hành.

c) Trưởng ban có trách nhiệm tổ chức thực hiện chương trình giám sát.

4. Chương trình giám sát hằng năm của Tổ đại biểu HĐND phường:

Căn cứ chương trình giám sát của HĐND phường, Thường trực HĐND phường, các Ban HĐND phường; phân công của HĐND, Thường trực HĐND phường và điều kiện thực tế tại địa bàn, Tổ trưởng Tổ đại biểu họp và thống nhất với các thành viên trong Tổ về chương trình giám sát năm tiếp theo trước ngày 31/12 hằng năm. Chương trình giám sát hằng năm của Tổ đại biểu HĐND phường phải được báo cáo với Thường trực HĐND phường.

5. Chương trình giám sát hằng năm của đại biểu HĐND phường:

Trong trường hợp cần thiết, đại biểu HĐND phường có thể dự kiến chương trình giám sát năm sau của mình gửi đến Tổ đại biểu HĐND phường (thông qua Tổ trưởng Tổ đại biểu) trước ngày 01/12 hằng năm.

6. Hồ sơ trình HĐND phường, Thường trực HĐND phường xem xét, quyết định chương trình giám sát hằng năm của HĐND phường, Thường trực HĐND phường.

a) Tờ trình về dự kiến chương trình giám sát bao gồm: Tổng hợp ý kiến, đề nghị giám sát của các Ban HĐND, đại biểu HĐND, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ và cử tri ở địa phương; Dự kiến nội dung chương trình giám sát; Sự cần thiết, đối tượng, phạm vi giám sát; Dự kiến cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp chuẩn bị nội dung giám sát; Biện pháp tổ chức thực hiện; Các vấn đề liên quan khác (nếu có).

b) Báo cáo tổng hợp các nội dung giám sát chuyên đề của HĐND, Thường trực HĐND phường đã thực hiện trong 02 năm trước thời điểm đề xuất.

c) Dự thảo Nghị quyết về chương trình giám sát của HĐND phường, dự kiến chương trình giám sát của Thường trực HĐND phường.

7. Kế hoạch thực hiện chương trình giám sát hằng năm

a) Chậm nhất 15 ngày, kể từ ngày Nghị quyết về chương trình giám sát của HĐND phường được thông qua, Thường trực HĐND phường có trách nhiệm ban hành kế hoạch thực hiện chương trình giám sát của HĐND phường.

b) Kế hoạch thực hiện Chương trình giám sát của Thường trực HĐND phường, các Ban HĐND phường, Tổ đại biểu HĐND phường được tích hợp trong kế hoạch công tác hằng năm.

c) Kế hoạch thực hiện chương trình giám sát cần nêu rõ mục đích, yêu cầu; phân công các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện; tiến độ, công tác tổ chức, phối hợp thực hiện; trách nhiệm lồng ghép nội dung giám sát về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tội phạm. Trường hợp nội dung giám sát liên quan đến lĩnh vực phụ trách của nhiều cơ quan khác nhau thì kế hoạch nêu rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

8. Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hằng năm

a) Thường trực HĐND phường có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hằng năm của HĐND phường, của Thường trực HĐND phường với HĐND phường vào kỳ họp thường lệ giữa năm của năm sau.

Chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm của HĐND phường, các Ban của HĐND phường được giao chủ trì thực hiện nội dung trong chương trình giám sát của HĐND phường, Thường trực HĐND phường gửi báo cáo về kết quả thực hiện chương trình giám sát của năm trước đến Thường trực HĐND phường để tổng hợp, báo cáo HĐND phường.

b) Các Ban của HĐND phường có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát trước HĐND phường vào kỳ họp thường lệ giữa năm và cuối năm.

c) Tổ đại biểu HĐND phường có trách nhiệm báo cáo Thường trực HĐND phường về kết quả thực hiện chương trình giám sát.

d) Đại biểu HĐND phường báo cáo hoạt động giám sát hằng năm và các hoạt động giám sát khác (nếu có) gửi về Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND phường để tổng hợp, báo cáo Thường trực HĐND phường.

Điều 30. Các hoạt động giám sát của HĐND phường

1. Xem xét báo cáo công tác của Thường trực HĐND phường, UBND phường và các báo cáo khác theo quy định tại Điều 59, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

2. Chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn tại kỳ họp HĐND phường của những người bị chất vấn: Chủ tịch UBND phường, Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND phường.

Thực hiện theo quy định tại Điều 60, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

3. Xem xét quyết định của UBND phường có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND phường.

Trình tự thực hiện theo quy định tại Điều 61, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

4. Giám sát chuyên đề

Thực hiện theo quy định tại Điều 62, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015; **Điều 15,16,17 Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15 ngày 15/9/2022.**

HĐND xem xét kết quả giám sát thực hiện theo quy định tại Điều 65, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015;

HĐND xem xét báo cáo của Thường trực HĐND về việc thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát thực hiện theo quy định tại **Điều 27 Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15 ngày 15/9/2022.**

5. Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND phường bầu.

HĐND lấy phiếu tín nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 63, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND; bỏ phiếu tín nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 64, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

Điều 31. Hoạt động giám sát của Thường trực HĐND phường

1. Chương trình giám sát: Thực hiện theo quy định tại Điều 67, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

2. Các hoạt động giám sát.

a) Xem xét quyết định của UBND phường và nghị quyết của cấp dưới trực tiếp có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND phường.

Thực hiện theo quy định tại Điều 68, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

b) Chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn tại phiên họp Thường trực HĐND trong thời gian giữa hai kỳ họp HĐND đối với những người bị chất vấn: Chủ tịch UBND phường, Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND phường.

Thực hiện theo quy định tại Điều 69, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

c) Giám sát chuyên đề.

Thực hiện theo quy định tại Điều 70, Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015; **Điều 15, Điều 16, Điều 17 Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15 ngày 15/9/2022.**

Việc xem xét báo cáo của Đoàn giám sát thực hiện theo quy định tại Điều 71, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

Thường trực HĐND xem xét, giám sát kết quả thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15 ngày 15/9/2022.

d) Giải trình tại phiên họp Thường trực HĐND phường.

Thực hiện theo quy định tại Điều 72, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015; **Điều 13 Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15 ngày 15/9/2022.**

đ) Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

Thực hiện theo quy định tại Điều 73, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

e) Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri.

Thực hiện theo quy định tại Điều 74, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

Điều 32. Hoạt động giám sát của Ban HĐND phường

1. Chương trình giám sát: Thực hiện theo quy định tại Điều 77, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

2. Các hoạt động giám sát.

a) Thẩm tra các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết do HĐND phường, Thường trực HĐND phường phân công:

Thực hiện theo quy định tại Điều 78, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

b) Giám sát quyết định của UBND phường.

Thực hiện theo quy định tại Điều 79, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

c) Giám sát chuyên đề

Thực hiện theo quy định tại Điều 80, Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015; **Điều 15, Điều 16, Điều 17 Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15 ngày 15/9/2022.**

Việc xem xét báo cáo của Đoàn giám sát thực hiện theo quy định tại Điều 81, Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

d) Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

Thực hiện theo quy định tại Điều 82, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

Điều 33. Hoạt động giám sát của Tổ đại biểu HĐND phường

Tổ đại biểu HĐND phường giám sát việc tuân theo Hiến pháp, Luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND phường hoặc về các vấn đề do HĐND hoặc Thường trực HĐND phân công; tổ chức đề đại biểu HĐND thực hiện hoạt động giám sát.

Điều 34. Hoạt động giám sát của đại biểu HĐND phường.

1. Chất vấn những người bị chất vấn quy định gồm: Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch UBND, Ủy viên UBND phường, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND phường.

Thực hiện theo quy định tại Điều 84, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

2. Giám sát quyết định của UBND phường.

Thực hiện theo quy định tại Điều 85, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

3. Giám sát việc thi hành pháp luật ở địa phương.

Thực hiện theo quy định tại Điều 86, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

4. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

Thực hiện theo quy định tại Điều 87, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

Điều 35. Quy định về chất vấn và trả lời chất vấn

1. Tiêu chí lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn

a) Vấn đề bức xúc, nổi lên trong đời sống kinh tế - xã hội của địa phương, được nhiều đại biểu HĐND phường, cử tri quan tâm.

b) Vấn đề có dấu hiệu vi phạm các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tội phạm, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của cử tri và các quy định khác của pháp luật.

c) Vấn đề đã được người bị chất vấn trả lời trực tiếp tại kỳ họp HĐND phường hoặc trả lời bằng văn bản nhưng đại biểu HĐND phường không đồng ý với nội dung trả lời.

d) Vấn đề khác nhằm nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước hoặc qua khảo sát, giám sát phát hiện hạn chế, bất cập cần được chất vấn để làm rõ và đưa ra những yêu cầu, giải pháp để kịp thời khắc phục.

2. Chất vấn tại kỳ họp HĐND phường:

a) Đại biểu HĐND phường có thể lựa chọn hình thức chất vấn trực tiếp tại kỳ họp hoặc gửi phiếu chất vấn (theo mẫu do Thường trực HĐND phường cung cấp). Phiếu chất vấn phải ghi rõ nội dung chất vấn, người bị chất vấn và gửi đến Thường trực HĐND trước phiên họp chất vấn.

b) Căn cứ vào chương trình kỳ họp, ý kiến, kiến nghị của cử tri, vấn đề xã hội quan tâm và phiếu chất vấn của đại biểu HĐND phường, Thường trực HĐND phường đề nghị HĐND phường quyết định nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn theo trình tự sau:

Chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND phường, Văn phòng HĐND và UBND phường gửi bản tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri, đề xuất vấn đề chất vấn của các Ban của HĐND phường, Tổ đại biểu HĐND phường và đại biểu HĐND phường thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương đến Thường trực HĐND phường.

Chậm nhất là 07 (bảy) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND phường, Thường trực HĐND phường hoàn thành việc tổng hợp đề xuất vấn đề chất vấn của các Ban HĐND phường, Tổ đại biểu HĐND phường và đại biểu HĐND phường.

Chậm nhất là 05 (năm) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND phường, Thường trực HĐND phường dự kiến lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn, người bị chất vấn tại kỳ họp HĐND phường để trình HĐND phường xem xét, quyết định.

c) Người bị chất vấn được lựa chọn phù hợp với nhóm vấn đề chất vấn; thực hiện trả lời chất vấn trực tiếp tại phiên họp toàn thể của HĐND phường hoặc trả lời bằng văn bản (do HĐND phường quyết định) về những vấn đề mà đại biểu đã chất vấn.

Người bị chất vấn phải trả lời trực tiếp, đầy đủ vào vấn đề mà đại biểu HĐND đã chất vấn, không được ủy quyền cho người khác trả lời thay; xác định rõ trách nhiệm, biện pháp và thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập (nếu có).

Những người khác có thể được mời tham dự phiên họp và trả lời chất vấn của đại biểu HĐND phường về vấn đề thuộc trách nhiệm của mình.

d) Người đã trả lời chất vấn tại kỳ họp HĐND phường hoặc đã gửi văn bản trả lời chất vấn cho đại biểu HĐND phường có trách nhiệm gửi báo cáo về việc thực hiện các vấn đề đã báo cáo tại kỳ họp trước đến Thường trực HĐND phường để chuyển đến các đại biểu HĐND phường chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp tiếp theo của HĐND phường.

đ) HĐND phường cho trả lời chất vấn bằng văn bản trong các trường hợp sau: Chất vấn không thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp; vấn đề chất vấn cần được điều tra, xác minh; chất vấn thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp nhưng chưa được trả lời tại kỳ họp.

Người bị chất vấn phải trực tiếp trả lời bằng văn bản. Văn bản trả lời chất vấn được gửi đến đại biểu HĐND phường đã chất vấn, Thường trực HĐND phường trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày chất vấn.

Sau khi nhận được văn bản trả lời chất vấn, nếu đại biểu HĐND phường không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền đề HĐND phường đưa ra thảo luận tại kỳ họp HĐND phường hoặc kiến nghị HĐND phường xem xét trách nhiệm đối với người bị chất vấn.

e) Thời gian chất vấn và trả lời chất vấn: Mỗi lần chất vấn, đại biểu HĐND phường nêu chất vấn không quá 03 (ba) phút. Người bị chất vấn trả lời chất vấn của một đại biểu không quá 7 (bảy) phút. Trường hợp cần thiết, Chủ tọa kỳ họp quyết định việc kéo dài thời gian trả lời chất vấn cho phù hợp.

g) Phiên họp chất vấn tại kỳ họp HĐND phường được phát thanh trực tiếp, trừ trường hợp do HĐND phường quyết định.

2. Trong thời gian giữa hai kỳ họp HĐND phường, việc chất vấn và trả lời chất vấn được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Đại biểu HĐND phường gửi chất vấn bằng văn bản đến Thường trực HĐND phường.

b) Thường trực HĐND phường quyết định hình thức trả lời chất vấn:

Chuyển ý kiến chất vấn của đại biểu HĐND phường đến người bị chất vấn. Người bị chất vấn có trách nhiệm trả lời bằng văn bản gửi đến đại biểu HĐND phường và Thường trực HĐND phường trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến chất vấn. Trong trường hợp không được trả lời hoặc không đồng ý với nội dung trả lời, đại biểu HĐND phường có thể đề nghị Thường trực HĐND phường đưa ra thảo luận tại phiên họp Thường trực HĐND phường hoặc kiến nghị Thường trực HĐND phường trình HĐND phường xem xét trách nhiệm đối với người bị chất vấn.

Tổ chức chất vấn tại phiên họp của Thường trực HĐND phường.

3. Khi cần thiết, HĐND phường có thể ban hành nghị quyết về việc trả lời chất vấn và trách nhiệm của người bị chất vấn theo đề nghị của Thường trực HĐND phường.

Điều 36. Trách nhiệm của Thường trực HĐND phường trong việc chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát

1. Xem xét, cho ý kiến về chương trình, nội dung, kế hoạch giám sát của hai Ban của HĐND phường; xem xét báo cáo kết quả giám sát của hai Ban của HĐND phường khi xét thấy cần thiết và báo cáo HĐND phường tại kỳ họp gần nhất.

2. Yêu cầu hai Ban của HĐND phường điều chỉnh kế hoạch giám sát của mình, bảo đảm hoạt động giám sát không bị trùng lặp.

3. Phân công hai Ban của HĐND phường thực hiện một số nội dung thuộc chương trình giám sát của HĐND phường và Thường trực HĐND phường.

4. Tổng hợp kết quả giám sát trình HĐND phường.

Điều 37. Đảm bảo việc thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát

1. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát

a) Ban của HĐND phường, Tổ đại biểu HĐND phường, đại biểu HĐND phường chủ động theo dõi, kịp thời đôn đốc cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát.

b) Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện không đúng yêu cầu trong nghị quyết, kết luận, kiến nghị thì Thường trực HĐND phường, Ban của HĐND phường, Tổ đại biểu HĐND phường, đại biểu HĐND phường gửi văn bản đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát giải trình về việc chậm thực hiện hoặc không thực hiện và làm rõ trách nhiệm, đề xuất biện pháp xử lý.

2. Xem xét, giám sát việc thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát

a) Thường trực HĐND phường xem xét, giám sát kết quả thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát của HĐND phường, Thường trực HĐND phường, Ban của HĐND phường, Tổ đại biểu HĐND phường và đại biểu HĐND phường.

b) Chậm nhất là ngày 30 tháng 3 và ngày 30 tháng 8 hằng năm, Văn phòng HĐND và UBND tổng hợp kết quả thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát của HĐND phường, Thường trực HĐND phường, Ban của HĐND phường, Tổ đại biểu HĐND phường và đại biểu HĐND phường, trong đó làm rõ những nội dung chưa được cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện hoặc thực hiện không đúng yêu cầu (nếu có) để báo cáo Thường trực HĐND phường.

Đối với những nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát cần trình Thường trực HĐND phường sớm hơn, Văn phòng HĐND và UBND tổng hợp kết quả thực hiện theo đề nghị của hai Ban của HĐND phường, Tổ đại biểu HĐND phường và đại biểu HĐND phường để báo cáo Thường trực HĐND phường tại phiên họp gần nhất.

c) Thường trực HĐND phường xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện không đúng yêu cầu trong nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát theo trình tự sau đây:

+ Văn phòng HĐND và UBND phường trình bày báo cáo về việc cơ quan, tổ chức, cá nhân chưa thực hiện hoặc thực hiện không đúng yêu cầu trong nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát;

+ Cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát báo cáo, giải trình;

+ Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời tham dự phát biểu ý kiến;

+ Thường trực HĐND phường thảo luận;

+ Chủ tọa phiên họp kết luận;

+ Thường trực HĐND phường xem xét, quyết định việc ban hành kết luận về việc thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát hoặc báo cáo HĐND phường.

d) Kết luận của Thường trực HĐND phường bao gồm những nội dung sau đây: Đánh giá kết quả việc thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu sự giám sát; những yêu cầu cụ thể đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, trong đó nêu rõ yêu

cầu thực hiện, thời hạn thực hiện; biện pháp xử lý nếu tiếp tục không thực hiện hoặc thực hiện không đúng yêu cầu đối với những vấn đề đã kết luận, kiến nghị.

3. Xem xét, ban hành Nghị quyết về thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát

a) HĐND phường xem xét báo cáo của Thường trực HĐND phường về việc thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát của HĐND phường, Thường trực HĐND phường, Ban của HĐND phường, Tổ đại biểu HĐND phường và đại biểu HĐND phường theo trình tự sau đây:

- + Đại diện Thường trực HĐND phường trình bày báo cáo;
- + Cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát báo cáo, giải trình;
- + HĐND phường thảo luận;

HĐND phường ban hành nghị quyết về việc thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát. Nghị quyết bao gồm các nội dung sau: Đánh giá kết quả việc thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu sự giám sát; những yêu cầu cụ thể đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, trong đó nêu rõ yêu cầu thực hiện, thời hạn thực hiện; biện pháp xử lý nếu tiếp tục không thực hiện hoặc thực hiện không đúng yêu cầu đối với những vấn đề đã kết luận, kiến nghị.

b) Nghị quyết về giám sát của HĐND phường có giá trị pháp lý bắt buộc thực hiện.

Sau 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thực hiện những vấn đề đã được HĐND phường kết luận, kiến nghị, Thường trực HĐND phường có trách nhiệm đăng tải công khai kết quả giám sát trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương để cử tri và Nhân dân theo dõi, giám sát, trừ trường hợp thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát có trách nhiệm thực hiện đầy đủ kế hoạch, nội dung, yêu cầu giám sát của HĐND phường Thường trực HĐND phường, Ban của HĐND phường, Tổ đại biểu HĐND phường, đại biểu HĐND phường; cung cấp thông tin liên quan đến nhiệm vụ của mình, trừ thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước; báo cáo trung thực, khách quan, đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền giám sát; thực hiện kết luận, kiến nghị sau giám sát. Thực hiện các nội dung khác theo quy định tại Điều 24 Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15 ngày 15/9/2022.

Mục 7

HOẠT ĐỘNG TIẾP XÚC CỬ TRI, TIẾP CÔNG DÂN

Điều 38. Hoạt động tiếp xúc cử tri

1. Thường trực HĐND phường phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ phường xây dựng kế hoạch tiếp xúc cử tri hằng năm. Kế hoạch tiếp xúc cử tri được gửi đến UBND phường, Tổ đại biểu HĐND phường và thông báo cho

các tổ dân phố, các cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi tiếp xúc cử tri thực hiện.

2. Đại biểu HĐND phường có trách nhiệm tiếp xúc cử tri trước và sau mỗi kỳ họp HĐND phường. Tại hội nghị tiếp xúc cử tri, đại biểu HĐND phường báo cáo cử tri các nội dung sau:

a) Kết quả triển khai thực hiện các nghị quyết của HĐND phường về nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh ở địa phương.

b) Dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp (đối với hội nghị tiếp xúc cử tri trước kỳ họp); kết quả kỳ họp HĐND phường (đối với hội nghị tiếp xúc cử tri sau kỳ họp).

c) Tình hình, kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri.

d) Tại hội nghị tiếp xúc cử tri trước kỳ họp cuối năm, đại biểu HĐND phường báo cáo kết quả hoạt động trong năm của đại biểu trước cử tri, đồng thời gửi báo cáo về Thường trực HĐND phường theo quy định.

3. Nội dung, trình tự hội nghị tiếp xúc cử tri thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 39. Hoạt động tiếp công dân

1. Tiếp công dân của Thường trực HĐND phường

a) Thường trực HĐND phường tổ chức tiếp công dân theo thời gian quy định tại Quy chế Tiếp công dân của phường tại trụ sở tiếp công dân phường.

b) Chủ tịch HĐND phường tiếp công dân ít nhất mỗi quý một ngày tại trụ sở Tiếp công dân phường. Các tháng còn lại trong quý, Chủ tịch HĐND phường ủy quyền cho Phó Chủ tịch HĐND; các đồng chí ủy viên Thường trực HĐND phường tiếp công dân theo quy định.

c) Trong trường hợp cần thiết, để xem xét các vấn đề bức xúc, nổi cộm tại địa phương được đông đảo cử tri quan tâm, kiến nghị, Thường trực HĐND phường tổ chức tiếp công dân riêng.

d) Văn phòng HĐND và UBND phường bố trí lãnh đạo Văn phòng và công chức phục vụ Thường trực HĐND phường tiếp công dân; đồng thời phối hợp với các Tổ đại biểu HĐND phường tạo điều kiện cho đại biểu HĐND phường tiếp công dân theo quy định.

2. Tiếp công dân của đại biểu HĐND phường

a) Đại biểu HĐND phường có trách nhiệm bố trí thời gian tiếp công dân tại trụ sở Tiếp công dân của phường hoặc tại nơi tiếp công dân ở địa phương mà đại biểu ứng cử theo sự bố trí của Thường trực HĐND phường để thu thập ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của công dân; giải thích, tuyên truyền chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho công dân; hướng dẫn, giúp đỡ công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo và nhận đơn thư của công dân để chuyển đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

b) Đại biểu HĐND phường có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi cơ quan, tổ

chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Trong trường hợp xét thấy việc giải quyết không thỏa đáng, đại biểu HĐND phường có quyền gặp người đứng đầu cơ quan, tổ chức để tìm hiểu, yêu cầu xem xét lại. Khi cần thiết, đại biểu HĐND phường có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức cấp trên của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó giải quyết.

c) Thời gian, địa điểm tiếp công dân của đại biểu HĐND phường được công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng của phường.

Điều 40. Tiếp nhận, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Thường trực HĐND và đại biểu HĐND phường có trách nhiệm tiếp nhận đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; phân loại, nghiên cứu; chuyển đơn đến cơ quan, tổ chức, đơn vị và người có thẩm quyền giải quyết;

2. Thường trực HĐND, đại biểu HĐND có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, giám sát việc giải quyết đơn của công dân theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Trách nhiệm thông báo về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được chuyển đến

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền nhận được khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh do Thường trực HĐND phường, đại biểu HĐND phường chuyển đến có trách nhiệm:

a) Thông báo việc tiếp nhận khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh do Thường trực HĐND, đại biểu HĐND phường chuyển đến trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản.

b) Xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định của Luật khiếu nại, Luật tố cáo, pháp luật có liên quan và thông báo kết quả giải quyết đến cơ quan, đại biểu đã chuyển đơn biết trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày vụ việc được giải quyết.

c) Trường hợp vụ việc đã được giải quyết trước đó thì thông báo ngay cho Thường trực HĐND, đại biểu HĐND đã chuyển đơn biết.

2. Thường trực HĐND, đại biểu HĐND phường có trách nhiệm thông báo kết quả xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đến người đã khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định tại Điều 28 của Luật Tiếp công dân năm 2013.

Điều 42. Trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Trong trường hợp cho rằng việc giải quyết khiếu nại, tố cáo không đúng với quy định của pháp luật thì Thường trực HĐND, đại biểu HĐND trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có quyền yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giải quyết xem xét lại; trường hợp vẫn không đồng ý với kết quả giải quyết lại thì có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cấp trên của người đứng đầu đó xem xét.

2. Trường hợp không đồng ý với kết quả giải quyết của cấp trên của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền thì Thường trực HĐND, đại

biểu HĐND báo cáo với HĐND cùng cấp để thực hiện việc giám sát theo quy định của pháp luật.

Mục 8

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 43. Mối quan hệ với cơ quan cấp trên

1. Thường trực HĐND, hai Ban của HĐND phường giữ mối quan hệ công tác với Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh.

2. Thường trực HĐND phường giữ mối quan hệ công tác và định kỳ báo cáo hoạt động của HĐND phường với Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ phường.

Điều 44. Mối quan hệ công tác với UBND phường, Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc phường

1. Thường trực HĐND phường, hai Ban của HĐND phường giữ mối quan hệ công tác với UBND phường, Ủy ban MTTQ phường trong việc chuẩn bị và tổ chức kỳ họp HĐND phường, phiên họp Thường trực HĐND phường, tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, giám sát, khảo sát, phối hợp giải quyết công việc giữa hai kỳ họp HĐND phường theo Quy chế phối hợp giữa Thường trực HĐND phường, UBND phường, Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc phường.

2. Thường trực HĐND phường chủ trì, phối hợp với UBND phường, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ phường xây dựng Quy chế phối hợp và chương trình phối hợp hành động trong thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền phù hợp với các quy định của pháp luật và tình hình thực tế của phường.

Mục 9

ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG VÀ KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 45. Các điều kiện đảm bảo hoạt động của HĐND phường

1. HĐND phường có trụ sở làm việc tại số 10, đường Nguyễn Du, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên.

2. HĐND phường có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, Thường trực HĐND phường, hai Ban HĐND phường sử dụng con dấu của HĐND phường.

3. Kinh phí hoạt động của HĐND phường do ngân sách phường đảm bảo. Đồng chí Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường tổ chức việc quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động của HĐND phường theo quy định của pháp luật.

4. Đại biểu HĐND phường hoạt động chuyên trách được bố trí nơi làm việc, được trả lương, phụ cấp và hưởng các chế độ khác theo quy định.

5. Đại biểu HĐND phường hoạt động không chuyên trách phải dành ít nhất 1/3 thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND.

6. Chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo cho hoạt động của đại biểu HĐND phường thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết của HĐND Tỉnh và các chế độ khác theo quy định hiện hành.

7. Văn phòng HĐND và UBND phường phân công cán bộ, công chức tham mưu giúp việc cho hoạt động của Thường trực HĐND, hai Ban HĐND phường và có trách nhiệm chuẩn bị phương tiện làm việc, kinh phí, phục vụ Thường trực HĐND phường, hoạt động của hai Ban HĐND phường và đại biểu HĐND phường theo quy định.

8. Hằng năm, tùy vào điều kiện thực tiễn, Thường trực HĐND, Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Tổ đại biểu HĐND có thể được tổ chức đi học tập, trao đổi kinh nghiệm tại các địa phương khác trong nước.

Điều 46. Khen thưởng, Kỷ luật

HĐND, Thường trực HĐND, hai Ban HĐND, các tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND phường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được xét khen thưởng. Hội đồng thi đua khen thưởng phường có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện việc khen thưởng theo quy định hiện hành.

Những tập thể, cá nhân thuộc phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Quy chế này nếu thực hiện không tốt hoặc vi phạm quy chế thì tùy theo mức độ áp dụng hình thức kỷ luật phù hợp.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 47. Tổ chức thực hiện

HĐND phường, Thường trực HĐND phường, hai Ban HĐND phường, các Tổ đại biểu HĐND phường, Đại biểu HĐND phường; UBND phường và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND phường, Ủy ban MTTQ Việt Nam phường và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các cơ quan của Nhà nước trên địa bàn phường có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh những vấn đề mới cần phải điều chỉnh cho phù hợp, Thường trực HĐND trình HĐND phường xem xét, quyết định tại kỳ họp gần nhất.

Điều 48. Hiệu lực thi hành.

Nghị Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 04 tháng 8 năm 2025.